Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8459.39.10

Mã HS	8459.39.10
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58 / - Máy doa-phay khác: / - - Loại khác: / - - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:32:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84593910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14116
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14116
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14116
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13447
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13388
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13388
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13388
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13388
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13388
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13388
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13442
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13442
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13442
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13442

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13442
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13442
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13443
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13443
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13443
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13443
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13443
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13443
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13446
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13394
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13402
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13402
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13402
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13402
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13402
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13402
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13433
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13433
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13433
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13433
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13433
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13433
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13482
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13482
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13482
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13482
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13482
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13465
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13465
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13465
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13465
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13465
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13465
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D13465
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E13465
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F13465
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G13465
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H13465
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I13465
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13480
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13480
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13480
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13480
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13480
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13480
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13479
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13479
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13479
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13479
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13479
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13479

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13459
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13459
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13459
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13459
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13459
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13459
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13459
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13467
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13467
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13467
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13467
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13467
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13467
RCEP B	2022	2022	0	B!D13467
RCEP B	2023	2023	0	B!E13467
RCEP B	2024	2024	0	B!F13467
RCEP B	2025	2025	0	B!G13467
RCEP B	2026	2026	0	B!H13467
RCEP B	2027	2027	0	B!I13467
RCEP C	2022	2022	0	C!D13467
RCEP C	2023	2023	0	C!E13467
RCEP C	2024	2024	0	C!F13467
RCEP C	2025	2025	0	C!G13467
RCEP C	2026	2026	0	C!H13467
RCEP C	2027	2027	0	C!I13467
RCEP D	2022	2022	0	D!D13466

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13466
RCEP D	2024	2024	0	D!F13466
RCEP D	2025	2025	0	D!G13466
RCEP D	2026	2026	0	D!H13466
RCEP D	2027	2027	0	D!I13466
RCEP E	2022	2022	0	E!D13470
RCEP E	2023	2023	0	E!E13470
RCEP E	2024	2024	0	E!F13470
RCEP E	2025	2025	0	E!G13470
RCEP E	2026	2026	0	E!H13470
RCEP E	2027	2027	0	E!I13470
RCEP F	2022	2022	0	F!D13467
RCEP F	2023	2023	0	F!E13467
RCEP F	2024	2024	0	F!F13467
RCEP F	2025	2025	0	F!G13467
RCEP F	2026	2026	0	F!H13467
RCEP F	2027	2027	0	F!I13467
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12494
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12494
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12494
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12494

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8459.39 có 2 dòng thuế; dòng 8459.39.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8459.39.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8459.39.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8459.39.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14116), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.